

Bản án số: **62/2022/HS-ST**  
Ngày: **09-11-2022**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nông Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Bình Hòa H, xã Thường L, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán (tại phiên tòa bị cáo khai làm thuê); trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Dương Thị H; có vợ và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 97/2017/HSPT ngày 14 tháng 4 năm 2017, chấp hành xong ngày 03 tháng 8 năm 2017, đã xóa án tích; bị bắt tạm giam: Không; có mặt.

2. Trần Thị M, sinh năm 1983, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Bình Hòa H, xã Thường L, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Dương Thị H; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam: Không; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng Lê Văn Q, Nguyễn Thị P, Phan Phi T2, Nguyễn Thanh T3; **đều vắng mặt.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 6 năm 2022, lực lượng Đoàn Biên phòng Cầu M đang trực chốt gác tại ấp 1, xã Thường L, huyện Hồng N thì phát hiện Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển số 70F9-9110, phía sau chở Trần Thị M kéo theo xe đẩy, hướng chợ Cầu M đi thành phố Hồng N, có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng Đoàn biên phòng ra tín hiệu dừng phương tiện để kiểm tra, phát hiện mặt dưới của thùng xe đẩy có chứa 1.960 bao thuốc lá điều nhập lậu (trong đó 1.210 bao hiệu JET, 500 bao hiệu HERO, 250 bao hiệu SCOTT). Xét thấy, có dấu hiệu tội phạm nên Đoàn Biên phòng Cầu M chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Trần Văn T thừa nhận liên lạc với người phụ nữ tên P1 (bên Campuchia) mua 1.000 bao thuốc lá hiệu JET, giá 16.200.000 đồng; Trần Thị M mua 500 bao thuốc lá hiệu HERO, 210 bao thuốc lá hiệu JET, 250 bao thuốc lá hiệu SCOTT, giá 14.320.000 đồng, chưa trả tiền, số thuốc lá trên do người thanh niên người Campuchia giao tại bờ sông Sở Thượng thuộc ấp Bình Hòa H, xã Thường L, huyện Hồng N. Cả hai chất thuốc lá lên xe đẩy cùng chở đến thành phố Hồng N mục đích bán cho người thanh niên tên T4 (không rõ họ, chữ lót) thì bị bắt.

Vật chứng thu giữ:

- 1.210 bao thuốc lá ngoại hiệu JET; 500 bao thuốc lá ngoại hiệu HERO; 250 bao thuốc lá ngoại hiệu SCOTT.

- 01 xe mô tô biển số 70-F9-9110, nhãn hiệu ZINDA, màu sơn: Đen, đã qua sử dụng. Do ông Nguyễn Thanh T3 đứng tên đăng ký đã bán cho người khác. M mua lại chưa chuyển tên đăng ký. xe đẩy bằng kim loại, chiều dài thùng xe 1,8 mét, chiều rộng thùng xe 01 mét, chiều cao 0,5 mét, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của M sử dụng làm phương tiện chuyển thuốc lá điều nhập lậu.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu xám, có bàn phím, gắn sim số 0363.056.610, đã qua sử dụng, của T sử dụng vào việc liên lạc mua bán thuốc lá điều nhập lậu.

Tại Cáo trạng truy tố số 48/CT-VKSHN ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa **đề nghị**: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 190, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M phạm “Tội buôn bán hàng cấm”, xử phạt mỗi bị cáo từ **01 năm đến 01 năm 03 tháng** tù. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước xe mô tô, xe đẩy, điện thoại di động có sim. Tịch thu tiêu hủy: 1.960 bao thuốc lá.

Bị cáo T bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt, được xử phạt hành chính để nuôi 4 con, cha, mẹ già và anh trai bị bệnh tai biến không vợ con.

Bị cáo M bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng: Thống nhất việc xử lý vật chứng nhưng xin được miễn hình phạt, giảm nhẹ không ở tù để nuôi cha, mẹ và anh bị bệnh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo đã có hành vi cùng nhau vận chuyển 1.960 bao thuốc lá điều nhập lậu, trên đường vận chuyển thì bị bắt quả tang. Bản thân các bị cáo ý thức được, vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu là vi phạm pháp luật thể hiện bằng việc cất giấu dưới đáy xe đẩy để khó bị phát hiện.

[4] Đối với việc các bị cáo trình bày được thể hiện trong hồ sơ vụ án và được làm rõ tại phiên tòa: Các bị cáo là chị em ruột, có bàn bạc trước, do hoàn cảnh anh trai bị bệnh tai biến không vợ con, không có tiền điều trị nên rủ cùng mua thuốc lá điều nhập lậu để bán lại kiếm lời. Trên thực tế, khi thực hiện hành vi thì T tự gọi điện thoại cho P1 ở Campuchia mua 1.000 bao tự chất lên xe. Sau

đó, M nhờ T gọi mua giùm M mua 960 bao, T gọi mua giùm rồi đi ngủ. M tự nhận thuốc lá và chất lên xe. Cả hai không hùn vốn mua chung với nhau, bên Campuchia giao thành 2 đợt riêng. **Cả hai bị cáo chưa xác định được bán thuốc lá lại cho ai cụ thể, chỉ nghe nói có người tên T4, ở thành phố Hồng N sẽ đón mua, mà không liên lạc trước, nếu không gặp T4, không bán được thì cũng chưa biết xử lý như thế nào.** Cho nên, không chỉ căn cứ vào lời khai của các bị cáo để xét xử về hành vi buôn bán hàng cấm. Mặt khác, tuy các bị cáo có bàn bạc trước sẽ cùng mua thuốc lá nhập lậu nhưng thực tế từng bị cáo tự mua phần của mình cho nên định lượng chưa đủ để cấu thành tội phạm buôn bán hàng cấm. Do đó, phải xét xử các bị cáo về hành vi rõ ràng hơn là cùng nhau vận chuyển hàng cấm.

[5] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo T và M là có căn cứ đúng người, đúng pháp luật, nhưng về tội danh là chưa chính xác như các nhận định trên (đoạn [3] và [4]).

[6] Qua xem xét toàn diện chứng cứ, diễn tiến quá trình thực hiện hành vi nêu trên, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M đồng phạm “Tội vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 của BLHS:

*“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*...b) Thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao;...*

*4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”*

Và khoản 1 Điều 17 của BLHS:

*“1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...”*

[7] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

[8] Các bị cáo nhận thức rõ hành vi vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý trực tiếp thực hiện và đã thực hiện tội phạm hoàn thành. Các bị cáo là đồng phạm giản đơn, nhất thời, không có sự phân công vai trò cụ thể. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn

định của thị trường kinh doanh, gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo T nhân thân từng có 01 tiền án, đã xóa án tích.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; trình độ học vấn của các bị cáo thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, có mẹ là người có công cách mạng, cha mẹ già và anh trai bị tai biến không có vợ con cần sự hỗ trợ, chăm sóc, bị cáo T có nhiều con còn nhỏ, nên xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nhưng chưa thu được, nghề nghiệp mua bán, làm thuê không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền và các hình phạt bổ sung khác đối với các bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Không có, nên không xem xét.

[14] Về vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[15] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191, Điều 17, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”.

1.2. Xử phạt bị cáo Trần Văn T **08 (tám) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191, Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

2.1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị M phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Thị M **06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 1.960 (một nghìn chín trăm sáu mươi) bao thuốc lá ngoại, gồm: 1.210 (một nghìn hai trăm mười) bao hiệu JET; 500 (năm trăm) bao hiệu HERO; 250 (hai trăm năm mươi) bao hiệu SCOTT.

3.1. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 70-F9-9110, nhãn hiệu ZINDA, đã qua sử dụng; 01 (một) xe đẩy bằng kim loại, chiều dài thùng xe 1,8 mét, chiều rộng thùng xe 01 mét, chiều cao 0,5 mét, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu xám, có bàn phím, gắn sim 0363.056.610, đã qua sử dụng.

Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04 tháng 10 năm 2022.

4. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Trần Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo **có mặt tại phiên tòa** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 11 năm 2022).

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nông Phú**